

MA TRẬN, ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC 2025-2026
MÔN NGỮ VĂN 7 – Thời gian 90 phút.

1. Ma trận đề kiểm tra:

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ tư duy						Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện/ Thơ	4 20%	0	3 15%	1 10%	0	1 15%	9 60
2	Viết	- Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học. -Viết bài văn biểu cảm về con người.	0	10 %	10	15%	10	15%	1 40
Tổng			20%	10 %	15%	25%	0	30%	100%
Tỉ lệ %			30%		40%		30%		
Tỉ lệ chung			70%				30%		

2. Bảng đặc tả đề kiểm tra:

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
----	---------	---------------------------	-----------------

1	Đọc hiểu	Truyện/ Thơ	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm. – Nhận biết việc thay đổi kiểu người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể. – Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. – Nhận biết được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. – Nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua ý nghĩ của các nhân vật khác trong truyện; qua lời người kể chuyện. – Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn. - Nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể. - Nêu được ấn tượng chung về văn bản. – Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. - Tác dụng của dấu ngoặc đơn, ngoặc kép. - Hiểu nghĩa của từ trong ngữ cảnh. - Ý nghĩa của phó từ trong câu. - Tác dụng của biện pháp tu từ thường gặp được sử dụng trong văn bản. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm văn học. – Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả; nêu được lí do.
2		Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong	<p>*Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đảm bảo cấu trúc của một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học. - Xác định đúng vấn đề nghị luận. <p>*Thông hiểu:</p>

	Viết	một tác phẩm văn học	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học. -Nêu khái quát ấn tượng về nhân vật. - Phân tích được các đặc điểm của nhân vật (Đặc điểm của nhân vật phải dựa trên bằng chứng trong tác phẩm). - Ấn tượng và đánh giá về nhân vật. <p>*Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật. -Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. -Có cách diễn đạt sáng tạo, độc đáo.
		Biểu cảm về người hoặc sự việc	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đảm bảo cấu trúc của kiểu bài biểu cảm về người hoặc sự việc. - Xác định đúng đối tượng biểu cảm. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được người hoặc sự việc mà em muốn bày tỏ cảm xúc. - Bày tỏ tình cảm, ấn tượng ban đầu của em về người hoặc sự việc đó. - Trình bày tình cảm, suy nghĩ về những đặc điểm nổi bật của người hoặc sự việc. - Nếu ấn tượng về người hoặc sự việc đó - Khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em về người hoặc sự việc đó. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc. -Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. -Có cách diễn đạt sáng tạo, độc đáo.

ĐỀ CƯƠNG NGŨ VĂN 7 CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2025 – 2026

I. Đọc - hiểu: Văn bản truyện

1. Nhận biết

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.
- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
- Nhận biết việc thay đổi kiểu người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.

2. Thông hiểu

- Nhận biết được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.

- Nhận biết được đặc điểm tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua ý nghĩ của các nhân vật khác trong truyện; qua lời người kể chuyện.
- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.
- Nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba) trong một truyện kể.
- Nêu được ấn tượng chung về văn bản.
- Tác dụng của dấu ngoặc đơn, ngoặc kép.
- Hiểu nghĩa của từ trong ngữ cảnh.
- Ý nghĩa của phó từ trong câu.
- Tác dụng của biện pháp tu từ thường gặp được sử dụng trong văn bản truyện.

3. Vận dụng:

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm văn học.
- Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ, tình cảm và cách giải quyết vấn đề của tác giả; nêu được lí do.

II. Viết (Viết bài văn biểu cảm về người)

Dàn bài:

***MB**

- Giới thiệu được người mà em muốn bày tỏ cảm xúc.
- Bày tỏ tình cảm, ấn tượng ban đầu của em về người đó.

***TB**

- Trình bày tình cảm, suy nghĩ về những đặc điểm nổi bật của người.
- Nêu ấn tượng về người đó.

***KB**

- Khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em về người đó.

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề gồm có 02 trang)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Các bạn lớp tôi thường gọi Lộc là “Lộc còi” vì Lộc bé lắm, mười một tuổi mà bằng đứa chín tuổi. Hẳn vì “còi” nên Lộc có vẻ yếu, thường hôm nào học năm tiết, tiết học hát cuối cùng là Lộc hát chẳng ra hơi, có khi cứ dựa vào tập thể mà Lộc chỉ lí nhí hoặc mấp máy mồm hát theo thôi. Người ta bảo thể lực yếu thì thường học kém, thế mà Lộc học chẳng kém. Còn tôi, trông tôi có vẻ cao lớn hơn Lộc thì học lại chẳng giỏi giang gì. Tôi kém nhất là môn Toán. Cô giáo phân công Lộc giúp đỡ tôi về môn này. Không hiểu sao, mỗi lần giúp tôi học, Lộc thích đến nhà tôi hơn là tôi đến nhà Lộc. Nói cho đúng thì từ đầu năm học, tôi chưa đến nhà Lộc lần nào. Tính Lộc rủ rỉ ít nói. Mẹ tôi rất mến Lộc. Mẹ thường hay nêu Lộc để làm gương cho tôi. Mẹ làm tôi lấm khi tự ái. Mẹ nói là Lộc bé mà học giỏi, chăm, ngoan, lại nền nếp, cẩn thận... Có thể những điều trên mẹ tôi nói đúng, nhưng riêng cái điểm cẩn thận thì tôi không chịu. Tôi nghĩ rằng Lộc “ki bo” thì có. Cả lớp tôi chúng nó đều nhận xét thế. Lộc có cái cặp sách đã cũ mà cứ quý như vàng, không bao giờ vứt cặp xuống đất, không bao giờ dám ngồi lên cặp. Có cái bút máy Trường Sơn nét đã to bè, thế mà cứ viết viết, cật cật chỉ chút, chỉ dám viết cái bút ấy vào những buổi kiểm tra bài, còn ngày thường thì Lộc viết bút chấm mực. [...]

Cuối học kì hai, Lộc báo cho tôi một tin chẳng vui gì:

- Bố tớ sắp mù hẳn rồi, viện mắt người ta bảo phải mổ mới khỏi. Mấy hôm nữa bố tớ vào viện. Tớ phải làm thay cả phần việc của bố ở nhà để kiếm sống, lại còn phải chăm sóc bố nữa chứ. Chắc tớ chẳng tiếp tục học được nữa - Lộc gửi vào tay tôi cái bút Trường Sơn:

- Cậu cầm lấy cái này mà dùng, tớ giữ mà không dùng nó phí đi!

Lúc này giọng Lộc đã run run, không còn bình tĩnh như trước. Tôi nắm chặt tay Lộc và nói:

- Cậu cứ giữ lấy cái bút này. Cậu cần phải tiếp tục học. Tớ sẽ giúp cậu trong thời gian bố cậu vào viện. Sau giờ học ở trường, tớ sẽ về nhà cậu, chúng mình cùng học, cùng làm. Vả lại cái việc sửa dép cũng dễ thôi, cậu bảo tớ vài lần là tớ làm được. Mẹ tớ sẽ rất vui lòng nếu như tớ giúp được cậu. Mẹ tớ quý và thương cậu lắm.

(Trích **Bạn Lộc**, Xuân Quỳnh, Văn học và Tuổi trẻ, số tháng 10 năm 2021, tr.48-51)

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định nhân vật trung tâm trong văn bản?

- A. Tôi B. Lộc C. Mẹ D. Cô giáo

Câu 2 (0,5 điểm). Lý do khiến cả lớp gọi Lộc là “Lộc còi”?

- A. Vì vóc dáng nhỏ bé. B. Vì học rất kém.
C. Vì hay ốm đau. D. Vì ít nói.

Câu 3 (0,5 điểm). Xác định đề tài chính của văn bản trên?

- A. Tình bạn B. Loài vật C. Thiên nhiên D. Gia đình

Câu 4 (0,5 điểm). Cảm xúc của “tôi” thế nào khi “mẹ thường xuyên nêu Lộc làm gương cho tôi”?

- A. Vui mừng. B. Thờ ơ. C. Thất vọng. D. Tự ái.

Câu 5 (0,5 điểm). Qua lời nói của Lộc “*Cậu cầm lấy cái này mà dùng, tớ giữ mà không dùng nó phí đi*” cho thấy Lộc là người thế nào?

- A. Biết quý trọng đồ dùng, sử dụng một cách tiết kiệm.
- B. Biết quý trọng tình bạn, cho bạn đồ quý nhất của mình.
- C. Biết lo toan cho gia đình, chấp nhận thiệt thòi cá nhân.
- D. Biết cam chịu hoàn cảnh, không than phiền số phận.

Câu 6 (0,5 điểm). Xác định chủ đề chính của văn bản?

- A. Ca ngợi tình cảm gia đình gắn bó.
- B. Ca ngợi nghị lực vượt khó, vươn lên.
- C. Ca ngợi tình bạn trong sáng, chân thành.
- D. Ca ngợi tấm lòng bao dung, biết ơn.

Câu 7 (0,5 điểm). Phó từ “*chẳng*” trong câu “*Người ta bảo thể lực yếu thì thường học kém, thế mà Lộc học **chẳng** kém.*” có ý nghĩa gì?

- A. Phủ định hoàn toàn năng lực học tập của Lộc.
- B. Nhấn mạnh sự so sánh giữa Lộc và bạn bè.
- C. Phủ định quan niệm sai về lực học của Lộc.
- D. Khẳng định Lộc học giỏi hơn nhân vật “tôi”.

Câu 8 (1,0 điểm). Nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu “*Lộc có cái cặp sách đã cũ mà cứ quý như vàng, không bao giờ vứt cặp xuống đất, không bao giờ dám ngồi lên cặp*”

Câu 9 (1,5 điểm). Em có đồng tình với cách xử sự của nhân vật “tôi” ở cuối văn bản khi biết hoàn cảnh của Lộc không? Vì sao?

II. VIẾT (4,0 ĐIỂM)

Viết bài văn biểu cảm về người em yêu quý nhất.

** Lưu ý: học sinh khuyết tật chỉ làm phần I. Đọc - hiểu, không yêu cầu làm phần II. Viết*

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Năm học 2025 – 2026

I. ĐỌC – HIỂU (6.0 ĐIỂM)

Câu	Nội dung	Điểm
	ĐỌC HIỂU	6,0
1	B	0,5
2	A	0,5
3	A	0,5
4	D	0,5
5	B	0,5
6	C	0,5
7	C	0,5
<i>*HSKT: Mỗi câu trả lời đúng 1 điểm</i>		
8	<p>Gợi ý: HS nêu được:</p> <ul style="list-style-type: none">- BPTT: So sánh: quý cái cặp sách cũ – vàng- Tác dụng:<ul style="list-style-type: none">+ Làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.+ Giúp người đọc hiểu hơn sự nâng niu, trân trọng của Lộc với chiếc cặp.+ Gợi cho người đọc lòng thương mến, cảm phục trước hoàn cảnh và đức tính tiết kiệm của Lộc. <p>Tùy vào sự trả lời của Hs, Gv linh hoạt cho điểm</p> <p><i>- HSKT: Trả lời được một ý được 1 điểm</i></p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
9	<p>- Hs có thể trình bày quan điểm của cá nhân miễn phù hợp với quy chuẩn đạo đức, pháp luật..</p> <p>Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none">- Bày tỏ quan điểm đồng tình hoặc không đồng tình. <p>* Lý giải: Tùy vào câu trả lời của Hs Gv linh hoạt ghi điểm đến 0.25</p> <p>* Lưu ý khi chấm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Diễn đạt chưa trôi chảy nhưng có lý lẽ hợp lý vẫn cho điểm tương ứng.- Nêu chung chung, thiếu lí do rõ ràng: trừ 0,25–0,5 điểm.- Không trả lời hoặc trả lời không đúng câu hỏi: không cho điểm phần đó. <p><i>- HSKT: Hs chỉ cần bày tỏ quan điểm, nêu được 1 ý: được 1 điểm.</i></p>	<p>0,25</p> <p>1,25</p>

II. VIẾT (4.0 ĐIỂM)

A. Bảng điểm chung toàn bài

Tiêu chí	Điểm
1. Cấu trúc bài văn	0,25
2. Xác định đúng đối tượng biểu cảm	0,25
3. Trình bày vấn đề cảm xúc	2.0
4. Diễn đạt, trình bày	1.0
5. Sáng tạo	0,5

B. Bảng chấm điểm cụ thể cho từng tiêu chí

1. Tiêu chí 1: Cấu trúc bài văn (0.25)		
Điểm	Mô tả tiêu chí	
0,25	<ul style="list-style-type: none">- Đảm bảo thể thức của bài văn.- Bài viết đủ 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài.	
0,0	<ul style="list-style-type: none">- Chưa đảm bảo được thể thức của bài văn- Hoặc Bài viết chưa đủ 3 phần Mở đoạn, Thân bài và Kết bài.	
2.Xác định đúng đối tượng biểu cảm (0,25)		
0,25	Xác định đúng vấn đề biểu cảm.	Ghi chú: Biểu cảm về bài thơ lục bát
0,0	Xác định không đúng vấn đề biểu cảm.	
3. Biểu cảm về người em yêu quý nhất : (2,0)		
1,5-2,0	Nội dung : đảm bảo yêu cầu về nội dung của bài văn biểu cảm về người. Cảm xúc phù hợp, sâu sắc, tự nhiên, chân thành; tạo được sự đồng cảm sâu sắc nơi người đọc.	Ghi chú: HS biểu cảm về người đảm bảo các yêu cầu sau: *MB - Giới thiệu được người mà em muốn bày tỏ cảm xúc. - Bày tỏ tình cảm, ấn tượng ban đầu của em về người đó. *TB - Trình bày tình cảm, suy nghĩ về những đặc điểm nổi bật của người. - Nếu ấn tượng về người đó. *KB - Khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em về người đó.
0,75-1,25	Nội dung : đảm bảo yêu cầu về nội dung của bài văn biểu cảm về người. - Cảm xúc phù hợp, tự nhiên, chân thành nhưng chưa sâu sắc; có tạo được sự đồng cảm nơi người đọc.	
0,25-0,5	Nội dung : chưa đảm bảo yêu cầu về nội dung của bài văn biểu cảm về người. - Cảm xúc nghèo, chưa tạo được sự đồng cảm nơi người đọc.	
0.0	Bài làm không phải là bài văn biểu cảm về người.	
4. Diễn đạt, trình bày		
1.0	<ul style="list-style-type: none">- Vốn từ ngữ phong phú, kiểu câu đa dạng đảm bảo sự logic giữa các câu, các đoạn trong bài văn. Mặc vài lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.- Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ, ít gạch, xóa...	
0,75	<ul style="list-style-type: none">- Vốn từ ngữ phong phú, kiểu câu đa dạng đảm bảo sự logic giữa các câu, các đoạn trong bài văn. Mặc vài lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.- Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ, ít gạch, xóa...	

0,25- 0,50	<ul style="list-style-type: none"> - Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu. - Chữ viết không rõ ràng, khó đọc, bài văn trình bày chưa sạch sẽ...
0,0	Bài làm không phải là bài văn biểu cảm về người.
5.Sáng tạo	
0.5	Có sáng tạo trong cách bày tỏ cảm xúc và diễn đạt.
0,0	Chưa có sáng tạo trong cách bày tỏ cảm xúc và diễn đạt.

**HSKT: Không yêu cầu thực hiện phần viết*

-----HẾT-----